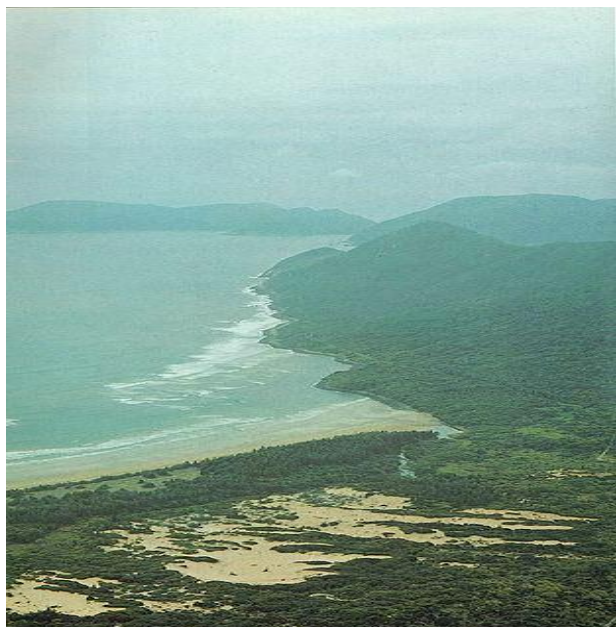


# MỘT ĐÊM TRĂNG

Tô Hữu Quy

Khoảng năm 1987, tôi có dịp đưa đoàn khảo sát ra Côn-Đảo thu thập tài liệu và đo đạc thăm dò một số nơi khả dĩ xây dựng được một bến cảng trung chuyển dầu khí cho Việt-Nam. Công việc suông sẻ, tạm ổn. Theo chương trình, chúng tôi sẽ đi tham quan mười ba hòn đảo thuộc quần đảo Côn-Son và ngày hôm sau mới trở về đất liền. Nhưng đêm hôm đó, tin đài khí tượng địa phương báo cho biết có áp thấp nhiệt đới và tiếp theo là bão cấp bảy đang di chuyển về đất liền. Thế là kế hoạch đi tham quan bị vỡ. Chúng tôi kẹt lại trên đảo thêm một tuần nữa. Có ai ngờ trong dịp ấy, đã hơn hai mươi năm qua rồi mà tôi vẫn còn trần trụi mỗi khi nhớ đến!...



Sau cơn bão, trời quang mây tạnh, là ngày chúng tôi được tiếp tục kế hoạch tham quan quần đảo nổi tiếng này; nổi tiếng vì kể từ khi thành lập nhà tù trong thập niên 1910 thời Pháp thuộc, nơi đây đã trở thành chốn giam cầm đầy ải các nhà cách mạng tên tuổi, các chí sĩ yêu nước cùng những tội phạm xã hội chung thân khổ sai khác. Hôm ấy chúng tôi được chính quyền địa phương cho đi tham quan cùng với

ghe tiếp tế lương thực, muối và nước uống cho các đảo khác. Ngoài đảo chính có dân cư sinh sống ra ( khoảng trên dưới 4000 nhân khẩu), mười hai đảo còn lại thì không có người ở mà mỗi đảo chỉ có hai người canh gác đảo thay phiên định kỳ.

Tôi còn nhớ như in hình ảnh một hòn đảo nhỏ trong số đó, người chủ ghe đã gọi tên nó là gì chúng tôi chẳng ai còn nhớ; chúng tôi chỉ còn nhớ từ xa xa nhìn thấy chung quanh đảo một dải cát trắng phau bao quanh chân đảo cơ hồ như một vành khăn sô... Lúc đến gần đảo, sóng gió thường xuyên đập vào bờ dữ dội, ghe chúng tôi chòng chành liên hồi như muốn lật nhào, nhưng nhờ người chủ ghe có nhiều kinh nghiệm lèo lái, cuối cùng chúng tôi cũng cập được vào bờ đảo. Đảo nằm giữa không gian mênh mông, chơ vơ, sóng gió mịt mù; từ xa nhìn dải cát trắng quanh đảo ai cũng nghĩ nơi đây là chốn an bình, nhưng càng đến gần sự thể chẳng bình an chút nào mà sóng gió càng dữ dội hơn, liên hồi hơn, cuồn nộ hơn.

“ Vành khăn sô” quanh đảo khi ở xa người ta tưởng như một bãi cát trắng mịn màng, nhưng không phải, đó là một dải san hô chết, gãy, bị sóng đánh lùa tấp vào chân đảo, chúng tích lũy theo thời gian làm thành một bờ đê bao chung quanh. Đây đúng là nơi đầu sóng ngọn gió của quần đảo này. Chúng tôi tranh nhau leo lên bờ, vượt qua đê bao cao từ nửa đến một mét.

Chúng tôi đang đùa giỡn với nhau thì trời ời gai ốc trong người tôi dựng cả lên đồng loạt, tôi bỗng bàng hoàng khó tả vì không thể tin vào mắt mình được. Chẳng ai có thể nghĩ rằng nơi đây lại có hàng ngàn, hàng chục ngàn và có thể hàng trăm ngàn chiếc dép chiếc giày bằng da, bằng nylon hoặc bằng simili giả da đủ loại đủ cỡ; từ giày dép con nít chỉ lớn bằng ba bốn ngón tay đến giày dép người lớn, đàn ông đàn bà chòng chát, nằm im lìm bên nhau chẳng biết từ bao giờ và từ đâu chúng trôi dạt đến tấp vào đây, chúng phơi sương rải nắng, chúng ngâm

mình trong cát lạnh, trong nước hải triều lên xuống ngập bờ... Có chiếc đã nứt nẻ, cũ xin, có chiếc đã long tróc, màu sắc loang lổ, có chiếc còn như mới tinh khôi...

Chúng tôi đi dọc theo bờ đê bao về hai phía, cảnh tượng vẫn không có gì thay đổi, vẫn giày dép đủ loại đủ cỡ trải dài phía sau thân đê. Chúng vẫn chông chát ngổ ngang, vẫn nằm lặng lẽ bên nhau, chúng không thêm tính ngày tính tháng, không bận tâm đến chuyện ngày đêm, chẳng buồn lòng khi nắng sớm mưa chiều hay mùa Đông giá rét giông gió bão bùng... Tôi chợt nhớ đến lời của bản tình ca “Điểm xưa” mà Trịnh Công Sơn đã viết về tình thân của những vật vô tri như “ngày sau sỏi đá cũng cần có nhau”; thì đây giày dép chưa hóa thành cát bụi lại rất cần có nhau vào những lúc bơ vơ như thế này.

Trong cảm giác hoang mang trước hăng hà sa số những chiếc giày dép vật vờ, những cánh đấm tàu, vỡ tàu, cướp biển hung hãn đã man hiện dần trong đầu óc tôi; những cơn giông bão, sóng gió cuồn cuộn trong đêm đen tăm tối, những đồng loại của tôi, những bạn bè, bà con thân thuộc của tôi đã vô vọng buông tay nhau không thể nói được với nhau một lời trong nước lạnh căm của đại dương; những người mẹ, người cha, những người yêu phải buông rơi con mình, người yêu thương của mình giữa sóng nước dập vùi nghiệt ngã...

Có người đã bảo với tôi rằng giữa Việt-Nam và Philippins có một dòng hải lưu (dòng Gulfstream) chảy xiết từ Bắc xuống Nam, sắc nước xanh đen, vì nơi đây đáy biển sâu thăm thẳm và rộng mênh mông. Người thường đi biển đặt tên cho hải lưu này là “dòng sông tử biệt”; chỉ có những người đi biển lành nghề, can trường và nhiều kinh nghiệm mới hi vọng lèo lái được con thuyền vượt qua dòng sông đen ấy...

Như thế, những giày dép kia có ý nghĩa là gì nếu không phải là những chứng vật nói lên biết bao nhiêu người lớn-bé-nam-nữ-trẻ-già đã quyết ra đi tìm lẽ sống trong niềm tin và ước vọng, nhưng đã chết trong tức tưởi thê lương... Tôi còn nhớ ngày xưa cha tôi đã từng bảo: “ người ta đi vào rừng sâu là xem như đã được chôn rồi mà chưa chết, vì chẳng biết lúc

nào mình sẽ bị nằm trong bụng hùm beo; còn những người đi ra ngoài biển khơi là xem như đã chết rồi mà chưa chôn, vì lúc gặp nạn chẳng biết lúc nào mình mới được người ta cứu vớt hay lúc nào mới bị làm mồi cho các loài thủy tộc”...

Giữa biển trời bao la, sóng gió ầm ào, những cánh tay giơ lên chơi vơi, những khuôn mặt kiệt lực thất thần xanh xao, những tiếng kêu ới ới thất thanh vô vọng, biết bao nhiêu chiếc giày chiếc dép đã thì thâm kể lẽ nỗi niềm; những hình ảnh thê lương ấy cứ lần lần trong tâm trí tôi, vả lại ngày mai chúng tôi sẽ được trở lại đất liền nên trong lòng nôn nao khó tả. Đêm cuối cùng trên Côn đảo tôi không cách gì ngủ được. Tôi bèn ngồi dậy và bước ra khỏi giường, đốt một điếu thuốc, rít một hơi dài rồi phả khói ra làm cho tôi bớt căng thẳng, cảm thấy tinh táo và dễ chịu hơn nhiều.

Từ nhà khách Côn đảo, tôi tản bộ một mình dọc theo bờ biển về phía nghĩa trang Hàng Dương, nơi mà khi đến đây ai cũng đều được nghe người dân trên đảo kể rằng thường có bóng ma xuất hiện thấp thoáng sau những dãy phi lao của nghĩa trang vào những đêm trăng. Đêm nay sẽ có trăng sáng, tôi đi một mình đến đây trong thâm tâm cũng có ý muốn gặp...

Nhìn những làn sóng nhỏ nối đuôi nhau vỗ vào bờ lao xao như ánh bạc mỗi khi chúng bắt được ánh sáng của các vì sao. Sau cơn bão nhỏ, đêm nay trời quang mây tạnh, gió heo may phe phất bên tai làm cho khung trời thăm lẳng huyền bí thêm. Tôi rùng mình cảm thấy lạnh, đêm đã khuya, tôi lại ở khá xa nhà khách mà trăng vẫn chưa lên... Tôi ghé lại ngồi trên một phiến đá cho đỡ chân; chẳng biết người tù khổ sai nào đã gia công đẽo gọt nó từ chân đèo Ma-Thiên-Lạnh mang về đây để xây dựng bến cảng còn sót lại. Bến cảng này thường được gọi tên là “bến cảng 914”. Đó là con số thống kê số người đã vì lao động cực nhọc, vì đòn roi đánh đập của cai tù, vì chế độ ăn uống kham khổ và rừng thiên nước độc bệnh tật ngặt nghèo đã gục chết khi xây dựng bến cảng này.

Ngồi một mình cheo leo trên phiến đá tôi nhìn về phía chân trời. Nỗi cô đơn xâm chiếm hồn tôi. Đêm hôm đó là đêm 19 hay 20 Âm lịch gì đó nên trăng lên trễ, lờ mờ tôi chỉ thấy sáng

ở đường chân trời Đông. Trời trong nên tôi nhìn thấy đủ các loại sao; kiến thức sơ đẳng về sao trên trời tôi có được từ thời niên thiếu. Sao Bắc đẩu nằm phương Bắc và sao Hâm (Nam tào) nằm phương Nam thì không thể nhầm lẫn với bất kỳ sao nào khác được. Những khách viễn du ngoài biển khơi mệnh mông hay trên sa mạc hoang vắng thường nhìn chúng để định hướng mà đi... Tỉnh thoảng ở phía chân trời có vì sao băng kẻ một đường thẳng tấp rồi tắt lịm. Bất giác tôi rùng mình nhớ lại có người đã bảo với tôi rằng cứ mỗi vì sao băng tượng trưng cho một kiếp người vừa quá vãng.

Tôi nhìn theo đường chân trời trên mặt biển, tâm trí mơ màng mong sao có một hiện tượng linh thiêng hay ma quái nào đấy xuất hiện: có thể là một vị Phật với nét mặt nhân từ đầy lòng từ bi, như Quán Thế Âm Bồ Tát hay Đức Mẹ hằng cứu giúp đáng mạo khoan dung đầy từ tâm cứu độ muôn loài, hay như Đức Chúa Giê-su đầy vẻ khắc khổ chịu thay những cực hình và nỗi oan khiên cho loài người. Thậm chí nếu không, thì có thể một thủy quái khổng lồ trăm vuốt nghìn sừng từ dưới biển sâu trời lên và sóng thần cuộn cuộn trào dâng để xem thử tình huống sẽ nguy cấp thế nào và nghiệt ngã tới đâu?...

Nhưng chẳng có hiện tượng gì thỏa mãn cho trí tưởng tượng trẻ thơ phong phú của tôi... Giữa không gian bao la của trời nước, tôi không còn là tôi nữa, tôi chẳng nhớ ra tôi, tôi đã nhập vào những điều tưởng tượng không có thực, vào những điều mơ mộng hão huyền...

Trăng chưa lên hẳn nhưng đã sáng cả một góc trời, ánh sáng vàng nhẹ, bầu trời trong đủ cho tôi thấy nơi xa kia là Mũi Cá Mập của Đảo Lớn mơ hồ nằm lặng yên nghỉ ngơi sau những ngày đương đầu với gió bão. Gió biển heo heo, sương đêm và bụi sóng làm tôi thêm lạnh. Tôi lại đột thêm một điều thuốc nữa, có ánh lửa bùng lên và hơi thuốc thân quen làm tôi thấy ấm áp dễ chịu hơn, tinh táo hơn dù đó là những cảm giác vay mượn tạm thời không thực, nhưng giờ phút này tôi cần chúng và thân thiết với chúng hơn bao giờ.

Lúc đã bình tâm trở lại, tôi chợt hiểu ra rằng khi đứng trước một khoảng không gian cao rộng và huyền bí như hôm nay, người ta sẽ

dễ liên tưởng như khi đứng trong không gian của các thánh đường Thiên Chúa giáo, được xây dựng theo kiến trúc gothique mái chóp cao ngất, hay như khi đứng trong khoảng không gian của các nhà nguyện Hồi Giáo với mái vòm hình quả bí thên thang, tất cả đều được trang hoàng lộng lẫy hoành tráng làm tăng vẻ huyền ảo tượng trưng cho bầu trời và vũ trụ bao la. Sự cộng hưởng của tiếng cầu kinh râm rang, màu sắc lộng lẫy, nhạc điệu du dương vang vọng trong hư không đã dội vào tâm can người đối diện, các tín đồ tự cảm thấy mình bơ vơ lạc lõng, mất tự chủ và cảm thấy mình bé bỏng yếu đuối phải cần có nơi nương tựa, cần có người cứu giúp, rồi tưởng như có đấng Thiêng Liêng ngự trên đầu ban phép lành, làm cho mình vững lòng vững dạ dân thân vào những khát vọng đang mong chờ.

Khi đã bình tâm trở lại, tôi cũng hiểu ra rằng mỗi lần đối diện với khoảng không gian của những ngôi chùa thân quen mà tôi thường lui tới lễ Phật và nghe các thầy giảng kinh, thì thật là nhỏ hẹp vì mái thấp lè tè, cột kèo chằng chịt theo kiến trúc Á đông xưa, nhưng tôi thấy thật ấm cúng, thật thân thiện, khoảng cách giữa tôi và Đức Phật thật gần gũi; tiếng tụng kinh ngân nga đều đặn theo nhịp mõ khúc chiết rõ ràng, tỉnh thoảng có tiếng chuông ngân vang lan tỏa trong không gian như thức tỉnh lòng người, tâm cảnh nơi tín đồ dễ tập trung nhìn lại mình để sám hối, dễ tập trung hướng về Đức Phật, do đó mà tâm thể của tín đồ dễ đi vào chánh niệm... Đứng trước Đức Phật, tín đồ chân tu chỉ có tâm nguyện mà không cầu xin, chỉ có thâm hứa mà không van nài vì Đức Phật đã từng dạy rằng: “ Ta là Phật đã thành, các con là Phật sẽ thành ” và “ hãy tự thấp đức lấy mà đi ”...

Triết lý về không gian nơi thờ phụng của các tôn giáo có ý nghĩa thâm sâu và bao la đến dường nào!... Ngày nay tại nước ta đã có một số nhà thờ Thiên Chúa giáo khi xây dựng đã có chủ trương cách tân đường nét kiến trúc và không gian bên trong nặng về phong cách cổ điển chùa Phật Giáo châu Á, cũng như có nhiều ngôi chùa được xây dựng trong mấy năm trở lại đây đã phá cách cổ xưa để đưa dân đến phong cách nhà thờ Thiên Chúa giáo châu Âu với